

Số: **2939** /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày **02** tháng **11** năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình
Công trình: Sửa chữa lớn năm 2010 – Vườn Quốc gia Cúc Phương
Địa điểm: Xã Cúc Phương, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ các Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 và số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông Nghiệp và PTNT;

Căn cứ các Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ các Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 và số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1484/QĐ-BNN-TC ngày 17/9/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Kế hoạch kinh phí không tự chủ năm 2010 cho Vườn Quốc gia Cúc Phương;

Xét Tờ trình số 208/TTr-VCP ngày 27/9/2010 của Giám đốc Vườn Quốc gia Cúc Phương xin phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình trên; báo cáo kết quả thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công – Tổng mức đầu tư số 207/BC-VCP ngày 27/9/2010 của Chủ đầu tư và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình (tại báo cáo thẩm định số 1293 /XD-TĐ ngày 20/10/2010),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Sửa chữa lớn năm 2010 – Vườn Quốc gia Cúc Phương với nội dung chính như sau:

- Tên công trình:** Sửa chữa lớn năm 2010 – Vườn Quốc gia gia Cúc Phương.
 - Sửa chữa cải tạo nhà làm việc đội cơ động kiểm lâm.
 - Xây cổng, hàng rào, sân đường, nhà vệ sinh Trạm kiểm lâm số 4.
 - Xây mới nhà khách.
- Chủ đầu tư:** Giám đốc Vườn Quốc gia gia Cúc Phương.
- Địa điểm xây dựng:** Trong khuôn viên của Vườn Quốc gia Cúc Phương.
- Đơn vị lập Báo cáo KTKT:** Viện Quy hoạch xây dựng Ninh Bình.
- Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

6. Mục tiêu đầu tư: Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ công nhân viên trong Vườn làm việc, ăn ở, sinh hoạt và tuần tra quản lý bảo vệ rừng, góp phần cho Vườn hoàn thành nhiệm vụ được giao.

7. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu:

7-1. Sửa chữa cải tạo nhà làm việc đội cơ động kiểm lâm:

a. Nhà làm việc, nhà kho:

-Phá dỡ toàn bộ nhà đến mặt giằng móng cũ, bổ sung giằng móng và cột hiên.

-Móng cột, cột hiên, giằng móng, trần, dầm trần, sê nô, lanh tô, giằng thu hồi...bằng BTCT 200#.

-Tường và thu hồi xây gạch chỉ, xây và trát vữa xi măng 50#, tường và trần trát và quét vôi; mái lợp tôn liên doanh, xà gỗ thép hình; nền lát gạch Ceramic, riêng phòng kho và ga ra ô tô đổ bê tông mác 150; cửa đi và cửa sổ các loại panô gỗ kính có hoa sắt thép vuông bảo vệ, dùng gỗ nhóm 3, lắp dựng cửa sắt xếp ga ra ô tô; bậc tam cấp xây gạch và láng vữa xi măng.

b. Nhà bếp: Phá dỡ toàn bộ, xây mới.

$S_{\text{sàn}}=26\text{m}^2$, cao 2,7m; móng xây gạch chỉ VXM 75; tường xây gạch chỉ, xây và trát vữa XM 50 và quét vôi; giằng móng, dầm trần, trần, ô văng, lanh tô... bằng BTCT 200; mái lợp tôn liên doanh, xà gỗ thép hình; cửa đi và cửa sổ các loại panô gỗ kính có hoa sắt thép vuông bảo vệ và khung nhôm kính, dùng gỗ nhóm 3; nền lát gạch Hạ Long, WC: Tường ốp gạch men kính, nền lát gạch chống trơn; bể phốt: Đáy và nắp bể bằng BTCT mác 200, tường bể xây gạch chỉ đặc, xây và trát VXM 75#, láng đáy VXM 75# và quét nước XM.

c. Sân: Rộng 153m^2 , đổ bê tông mác 150.

d. Hệ thống cấp điện: Lắp đặt dây dẫn các loại trong ống bảo hộ đi ngầm tường và trần: 324m, bóng đèn các loại: 22 bộ, quạt trần: 3 cái và các phụ kiện khác kèm theo dùng hàng do Việt Nam sản xuất.

e. Hệ thống cấp thoát nước: Lắp đặt đường ống thép tráng kẽm các loại: 40m, ống nhựa các loại: 24m, xí bệt: 01 bộ, la bô: 01 bộ, gương soi: 02 bộ, máy bơm nước $Q=24\text{m}^3/\text{h}$, $H=36\text{m}$: 01 cái, bể chứa nước bằng nhựa ($1,5\text{m}^3$): 01 cái và các phụ kiện khác kèm theo, dùng hàng do Việt Nam sản xuất.

7-2. Xây cổng, hàng rào, sân đường, nhà vệ sinh Trạm kiểm lâm số 4:

-Sân lấp mặt bằng làm sân và đường vào: 260m^3 .

-Cổng: Rộng 3,5m; trụ cổng cao 2,5m, xây gạch chỉ lõi BTCT mác 200, xây và trát VXM 75# và quét vôi; cánh cổng cao 2m bằng khung thép hộp kết hợp hoa sắt thép vuông đặc 14x14 và bịt tôn

-Hàng rào dây thép gai: Dài 52,5m, cao 2,5m; cứ 2,5m bổ trụ, trụ BTCT mác 200, móng trụ bê tông đá 4x6 mác 50.

-Sân đường: 117m^2 , rải bê tông mác 200, bó vữa xây gạch.

-Nhà vệ sinh: Rộng 10m^2 , móng xây gạch chỉ VXM 75#, tường xây gạch chỉ, xây và trát VXM 50 và quét vôi; giằng móng, trần, dầm trần, sê nô... bằng BTCT mác 200; nền lát gạch chống trơn, tường ốp gạch men kính; lắp dựng cửa đi khung nhôm kính và cửa sổ hoa sắt kính lát.

-Bể phốt: Đáy và nắp bể bằng BTCT mác 200, tường bể xây gạch chỉ đặc, xây và trát VXM 75#, láng đáy VXM 75# và quét nước XM.

-Cấp điện, cấp thoát nước nhà vệ sinh: Lắp đặt dây dẫn điện các loại: 160m, bóng đèn các loại: 03 bộ; đường ống thép tráng kẽm các loại: 30m, ống nhựa các loại: 18m, xí bệt: 01 bộ, la bô: 01 bộ, gương soi: 01 bộ, bể chứa nước bằng Inox (2m^3): 01 cái và các

phụ kiện khác kèm theo, dùng hàng do Việt Nam sản xuất

7-3. Xây mới nhà khách:

- $S_{\text{sàn}}=143,6\text{m}^2$, cao đến đỉnh mái: 7,2m; móng cột, cột hiên, giằng móng, trần, dầm trần, thang lên sàn, sê nô, lanh tô, giằng thu hồi ... bằng BTCT 200#; móng tường xây gạch chỉ VXM 75#, tường và thu hồi xây gạch chỉ, xây và trát vữa xi măng 50#, tường và trần trát, bả ma tít và sơn vôi; mái lớp tôn liên doanh, xà gỗ thép hình; sàn lát gạch Ceramic trên lớp bê tông mác 200 (dây 10) chống mối; WC: sàn lát gạch chống trơn, tường ốp gạch men kính; thang lên sàn: xây gạch chỉ và trát granitô; cửa đi nhôm kính, panô gỗ kính, cửa sổ panô gỗ kính, các cửa có hoa sắt thép vuông bảo vệ, khuôn cửa và cửa dùng gỗ nhóm 3;

-Bể phốt: Đáy và nắp bể bằng BTCT mác 200, tường bể xây gạch chỉ đặc, xây và trát VXM 75#, lán đáy VXM 75# và quét nước XM.

-Cáp điện và chống sét: Lắp đặt dây dẫn các loại trong ống bảo hộ đi ngầm tường và trần: 270m, bóng đèn các loại: 17 bộ và các phụ kiện khác kèm theo dùng hàng do Việt Nam sản xuất.

-Cấp thoát nước: Lắp đặt đường ống thép tráng kẽm các loại: 127m, ống nhựa các loại: 84m, xí bệt: 04 bộ, la bô: 04 bộ, gương soi: 04 bộ, vòi tắm hương sen: 04 bộ, bình đun nước nóng 30l: 04 bộ và các phụ kiện khác kèm theo, dùng hàng do Việt Nam sản xuất

8. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn:

8-1. Tổng mức đầu tư: Duyệt theo đơn giá xây dựng cơ bản số 1665/2006/QĐ-UBND ngày 15/8/2006 của UBND tỉnh Ninh Bình, mặt bằng giá quý 3/2010 (số 445/CBLS - SXD - STC ngày 09/9/2010) của Liên sở Tài chính và Xây dựng tỉnh Ninh Bình, văn bản số 324/SXD-KT ngày 24/6/2010 của Sở Xây dựng Ninh Bình hướng dẫn điều chỉnh dự toán công trình xây dựng theo lương tối thiểu mới, các quy định hiện hành khác có liên quan.

Tổng giá trị được duyệt: 1.723.400.000 đồng

(Một tỷ, bảy trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm ngàn đồng)

Trong đó:	-Chi phí xây dựng:	1.569.900.000 đ
	+ Sửa chữa cải tạo nhà làm việc đội cơ động kiểm lâm:	520.600.000 đ
	+ Cổng, hàng rào, sân đường, nhà WC Trạm KLSố 4:	162.800.000 đ
	+ Xây mới nhà khách:	886.500.000 đ
	-Chi phí quản lý dự án:	35.400.000 đ
	-Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	109.500.000 đ
	+Chi phí lập Báo cáo KTKT:	56.500.000 đ
	+Thẩm tra thiết kế BVTC, TMĐT:	6.400.000 đ
	+Lập HSMT và PTĐGHSDT:	5.300.000 đ
	+Giám sát thi công xây dựng:	41.300.000 đ
	-Chi phí khác:	8.600.000 đ
	+Thẩm tra, phê duyệt quyết toán:	5.000.000 đ
	+Bảo hiểm công trình:	3.600.000 đ

8-2. Nguồn vốn:

-Kinh phí không tự chủ năm 2010 nguồn sự nghiệp kinh tế lâm nghiệp (trồng rừng và chăm sóc rừng – loại 010-017).

-Nguồn thu dịch vụ du lịch

9. Thời gian thực hiện: Trong năm 2010.

10. Kế hoạch đấu thầu:

a. Phân công việc không tổ chức đấu thầu: Thẩm tra, phê duyệt quyết toán và chi phí quản lý dự án; tổng giá trị: 40.400.000 đ

b. Phân công việc đã thực hiện: Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, chi phí thẩm tra

Thiết kế bản vẽ thi công – Tổng mức đầu tư; tổng giá trị: **62.900.000 đ.**

c. Phân kế hoạch đấu thầu gồm: Chi phí lập HSMT và đánh giá hồ sơ dự thầu xây dựng, chi phí giám sát thi công xây dựng, chi phí xây dựng, bảo hiểm công trình (04 gói thầu: từ gói số 01 đến 04), tổng giá trị: **1.620.100.000 đ.**

Tên gói thầu, giá trị gói thầu, hình thức lựa chọn nhà thầu, thời gian lựa chọn nhà thầu, hình thức hợp đồng và thời gian thực hiện hợp đồng: Xem phụ lục chi tiết kèm theo.

Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đúng cam kết tại Tờ trình số số 208/TTr-VCP ngày 27/9/2010 khi thực hiện lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu.

Điều 2. Thiết kế bản vẽ thi công được duyệt tại Điều 1 là căn cứ để thi công xây dựng công trình. Chủ đầu tư khẩn trương triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo, tổ chức quản lý thực hiện dự án theo đúng nội dung Quyết định đầu tư và quy định hiện hành về Quản lý dự án và Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục quản lý XDCT, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Giám đốc Vườn Quốc gia Cúc Phương và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

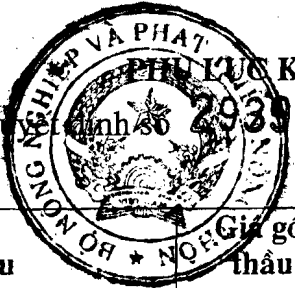
- Như Điều 3;
- Bộ TC, Vụ TC;
- Kho bạc NN Ninh Bình;
- TCLN;
- VQG Cúc Phương;
- Lưu VT, XD.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Hoàng Văn Thắng

Hoàng Văn Thắng

(Kèm theo Q  **PHỤ LỤC KẾ HOẠCH ĐẦU THẦU**
 (Kèm theo Q **Đinh số 2933** /QĐ-BNN-XD ngày **02** tháng **11** năm 2010)

Đơn vị: 1000 đồng

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Thời gian thực hiện HĐ (ngày)	Hình thức hợp đồng
A	Phần công việc không đấu thầu	40.400				
1	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	5.000				
2	Chi phí ban quản lý dự án	35.400				
B	Phần công việc đã thực hiện	62.900				
1	Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	56.500	đã thực hiện			
2	Thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công – Tổng mức đầu tư	6.400	đã thực hiện			
C	Phần kế hoạch đấu thầu	1.620.100				
1	Gói số 1: Lập HSMT và đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp	5.300	chỉ định thầu	Tháng 10/2010	5	theo tỷ lệ %
2	Gói số 2: Gói thầu xây dựng	1.569.900	chỉ định thầu	Tháng 10/2010	120	theo đơn giá
3	Gói số 3: Giám sát thi công xây dựng	41.300	chỉ định thầu	Tháng 10/2010	Theo tiến độ thực hiện	theo tỷ lệ %
4	Gói số 4: Bảo hiểm công trình	3.600	chỉ định thầu	Tháng 10/2010	Theo tiến độ thực hiện	Trọn gói
	Tổng cộng	1.723.400				